

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 23/08/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	Đặng Hùng Anh	Nam	30/10/2004	Nghệ An	Kinh	040204006702	6.0	8.5	1964/QĐ415/2026	TH016855	26/08/2026	
2	Nguyễn Thục Chi	Nữ	27/05/2005	Nghệ An	Kinh	040305002720	8.0	9.0	1965/QĐ415/2026	TH016856	26/08/2026	
3	Dương Văn Cường	Nam	02/05/1990	Nghệ An	Kinh	040090014586	6.7	7.0	1966/QĐ415/2026	TH016857	26/08/2026	
4	Lê Đình Khánh Duy	Nam	06/09/2003	Nghệ An	Kinh	040203002417	9.3	9.0	1967/QĐ415/2026	TH016858	26/08/2026	
5	Phùng Thị Việt Hà	Nữ	09/07/1996	Nghệ An	Kinh	040196000789	8.3	7.0	1968/QĐ415/2026	TH016859	26/08/2026	
6	Lê Thị Hằng	Nữ	07/07/1993	Nghệ An	Kinh	040193036403	5.7	7.0	1969/QĐ415/2026	TH016860	26/08/2026	
7	Đỗ Chí Hùng	Nam	03/12/1971	Nghệ An	Kinh	027071001842	8.3	7.0	1970/QĐ415/2026	TH016861	26/08/2026	
8	Dương Tiến Hưng	Nam	12/08/1988	Nghệ An	Kinh	040088002787	6.3	9.0	1971/QĐ415/2026	TH016862	26/08/2026	
9	Hồ Thị Khánh Linh	Nữ	15/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304008425	5.0	9.0	1972/QĐ415/2026	TH016863	26/08/2026	
10	Dương Khánh Linh	Nữ	20/05/2004	Nghệ An	Thổ	040304023097	6.0	9.0	1973/QĐ415/2026	TH016864	26/08/2026	
11	Ngô Khánh Linh	Nữ	20/06/2003	Nghệ An	Kinh	040303009224	5.0	8.0	1974/QĐ415/2026	TH016865	26/08/2026	
12	Nguyễn Thạc Mạnh	Nam	11/01/1994	Nghệ An	Kinh	040094002302	6.3	7.0	1975/QĐ415/2026	TH016866	26/08/2026	
13	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	06/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304018040	5.3	7.0	1976/QĐ415/2026	TH016867	26/08/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
14	Trần Thúy Quỳnh	Nữ	17/08/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304011975	7.0	9.0	1977/QĐ415/2026	TH016868	26/08/2026	
15	Cao Văn Sơn	Nam	10/11/1996	Nghệ An	Kinh	040096017478	7.3	7.5	1978/QĐ415/2026	TH016869	26/08/2026	
16	Chu Minh Sơn	Nam	23/12/1977	Nghệ An	Kinh	040077005905	5.0	5.0	1979/QĐ415/2026	TH016870	26/08/2026	
17	Đậu Minh Thắng	Nam	01/05/1987	Nghệ An	Kinh	040087003889	7.7	6..5	1980/QĐ415/2026	TH016871	26/08/2026	
18	Dương Thu Thảo	Nữ	05/03/1993	Nghệ An	Kinh	040193019229	6.3	9.0	1981/QĐ415/2026	TH016872	26/08/2026	
19	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	18/05/2002	Nghệ An	Kinh	040302020888	6.3	8.5	1982/QĐ415/2026	TH016873	26/08/2026	
20	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/02/1993	Nghệ An	Kinh	040193014716	6.0	7.5	1983/QĐ415/2026	TH016876	26/08/2026	
21	Hoàng Thị Thương	Nữ	28/04/1990	Hưng Yên	Kinh	034190012864	7.7	8.0	1984/QĐ415/2026	TH016875	26/08/2026	
22	Lu Thị Thủy	Nữ	27/01/2004	Nghệ An	Thái	040304019326	6.3	6.5	1985/QĐ415/2026	TH016877	26/08/2026	
23	Vi Thị Thùy Trang	Nữ	26/11/2004	Nghệ An	Thái	040304002593	5.7	8.5	1986/QĐ415/2026	TH016878	26/08/2026	
24	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	02/11/1991	Nghệ An	Kinh	040191031734	8.0	9.0	1987/QĐ415/2026	TH016879	26/08/2026	

